

The Saigon International
University



Khóa luận
tốt nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngành

Luật kinh tế quốc tế

Đề tài

**Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo
pháp luật Việt Nam và một số nước
trên thế giới**

Giảng viên hướng dẫn

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Sinh viên

Lê Thị Hoàng Phương

MSSV: 97381901659



**The Saigon
International
University**

Lewis Campus

Email: admission@siu.edu.vn

Website: www.siu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Bài Luận văn “Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới” là công trình nghiên cứu đã được cá nhân tôi thực hiện cũng như hoàn thành toàn bộ, và dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn. Những kết quả từ bài nghiên cứu này là hoàn toàn chưa từng được công bố trong những công trình nghiên cứu riêng biệt nào khác. Việc sử dụng các kết quả và những trích dẫn từ tài liệu của những tác giả khác đã được tôi đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định khi làm bài luận. Các phần nội dung trích dẫn và các tài liệu từ sách báo và thông tin tham khảo đã được đăng tải trên các tác phẩm cũng như các trang web được trình bày theo danh mục tài liệu tham khảo của luận văn. Nếu có bất kỳ sự gian lận nào, tôi xin chịu trách nhiệm trước Hội đồng cũng như kết quả khóa luận của mình.

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của quý thầy cô khoa Kinh doanh & Luật Trường Đại Học Quốc tế Sài Gòn, sau gần ba tháng thực tập em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp “Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới”.

Em chân thành cảm ơn giảng viên – TS. Nguyễn Thị Thu Hương, người đã hướng dẫn cho em trong suốt thời gian thực tập. Mặc dù các thầy cô luôn bận rộn với công việc cá nhân nhưng không ngần ngại chỉ dẫn em, định hướng đi cho em, để em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một lần nữa em chân thành cảm ơn cô và chúc cô dồi dào sức khỏe.

Xin cảm ơn tất cả các bạn bè, thư viện, doanh nghiệp, công ty, cơ quan đã giúp đỡ, dìu dắt em trong suốt thời gian qua. Tất cả các mọi người đều nhiệt tình giúp đỡ, đặc biệt ở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mặc dù số lượng công việc của cơ quan ngày một tăng lên nhưng quý cơ quan vẫn dành thời gian để hướng dẫn rất nhiệt tình.

Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận sự góp ý, chỉ bảo thêm của quý thầy cô cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên tại các doanh nghiệp để báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa xin gửi đến thầy cô, bạn bè cùng các cô chú, anh chị tại các doanh nghiệp lời cảm ơn chân thành và tốt đẹp nhất!

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giảng viên hướng dẫn

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

MỤC LỤC	
LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	2
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN.....	5
1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU.....	5
1.1.1. Khái niệm về hợp đồng vô hiệu	5
1.1.2. Nguyên nhân và đặc điểm của hợp đồng vô hiệu	7
1.1.3 Phân loại các trường hợp về hợp đồng vô hiệu	8
1.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN ...	10
1.2.1. Khái niệm hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.....	10
1.2.2 Đặc điểm hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn	11
1.2.3. Cách xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.....	12
1.3. Ý NGHĨA PHÁP LÝ CỦA QUY ĐỊNH VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN	18
Kết luận chương 1	21
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI ..	22
2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN	22
2.1.1 Điều kiện của hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn	23
2.1.2. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn	25
2.1.3. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.....	26
2.2 THỰC TIỄN PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN Ở VIỆT NAM	29
2.3. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM	31
2.3.1. Quy định của pháp luật một số nước trên thế giới về hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.....	31
2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam	33
Kết luận chương 2	36

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT	37
3.1. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT	37
3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	40
Kết luận chương 3	43
Kết luận.....	44
Tài liệu tham khảo	45

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Không phải ngẫu nhiên mà trong hệ thống pháp luật của bất cứ quốc gia nào, chế định hợp đồng luôn luôn được coi là một chế định pháp lý quan trọng vào bậc nhất. Bởi hợp đồng tạo nên những tiền đề pháp lý cho sự phát triển ổn định và bền vững của các quan hệ kinh tế trong xã hội. Đã từ lâu pháp luật về hợp đồng chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bởi vì, tất cả mọi giao dịch trong xã hội, cho dù có mục đích thương mại hay để thoả mãn những nhu cầu đời sống bình thường, đều liên quan đến hợp đồng¹.

Trong giao kết hợp đồng, ý chí của các bên được thể hiện qua các giai đoạn khác nhau: từ ý chí riêng của mỗi bên đến ý chí chung của các bên. Quá trình chuyển từ ý chí riêng sang ý chí chung có thể bị tác động của những yếu tố nào đó; vì vậy, ý chí chung không thể hiện ý chí của một hoặc các chủ thể². Những tình huống này được coi là nhằm lẫn trong giao kết hợp đồng trong khi đó nhằm lẫn là điều kiện để tuyên bố hợp đồng vô hiệu là một trong những nội dung phức tạp của pháp luật hợp đồng nói chung và của Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay các quy định về hợp đồng vô hiệu nói chung và hợp đồng vô hiệu do nhằm lẫn vẫn còn nhiều vướng mắc. Các quy định có phần còn cứng nhắc, chưa đầy đủ, có quy định còn chồng chéo, gây nên cách hiểu không thống nhất. Chẳng hạn như: các căn cứ để tuyên bố hợp đồng vô hiệu còn có nhiều điểm chưa rõ ràng; hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu còn quy định chung chung, khó áp dụng. Quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự không được đảm bảo thỏa đáng khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu³.

Với thực trạng đó, các quy định pháp luật về hợp đồng vô hiệu cần sớm được hoàn thiện đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, hướng tới sự bảo đảm an toàn và lẽ công bằng cho các chủ thể, góp phần làm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh. Một cơ

¹ Sơn Trần (2009), Hệ thống pháp luật hợp đồng hiện hành tại Việt Nam: Những vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp, Bộ Tư Pháp, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1247>, [Ngày truy cập 04/04/2023]

² Lê Hoàng Gia Vỹ (2015), Hợp đồng vô hiệu do nhằm lẫn theo Bộ luật Dân sự 2015, Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, <https://www.studocu.com/vn/document/truong-dai-hoc-cong-nghe-thanh-pho-ho-chi-minh/phap-luat-dai-cuong/le-hoang-gia-my/43263979>, [Ngày truy cập 04/04/2023]

³ Nguyễn Thị Diễm (2019), Hợp đồng vô hiệu do nhằm lẫn theo pháp luật Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ luật kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

sở pháp lý đầy đủ, hoàn chỉnh, một hành lang pháp lý thông thoáng không những là yêu cầu chính đáng của người dân, của các doanh nghiệp để họ thực hiện hoạt động kinh doanh và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình mà còn là điều kiện để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước giao.

Từ những lý do trên, với mong muốn được góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về hợp đồng vô hiệu nói chung và hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn nói riêng, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới” để làm luận văn tốt nghiệp.

2.Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu tổng quát

Đề tài “Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới” có mục đích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn để từ đó nêu lên các hạn chế lớn trong việc xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn. Cùng với đó là các giải pháp hoàn thiện trong việc xác định đầy đủ, hoàn chỉnh, chính xác để đảm bảo lợi ích chính đáng cho người dân và các doanh nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

(1) Khái quát các cơ sở pháp lý và áp dụng pháp luật liên quan đến xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

(2) Tìm hiểu phân tích thực trạng liên quan đến xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

(3) Đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về liên quan đến xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Khóa luận nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn. Các thông tin có liên quan đến vấn đề và các phân tích thực tiễn về hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

Phạm vi nghiên cứu: Bài viết tập trung nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý liên quan đến cách xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn, việc áp dụng pháp luật trên thực tế.

4.Phương pháp nghiên cứu

Chương I: Sử dụng phương pháp phân tích luật học nhằm tìm hiểu khái niệm, sự xuất hiện và cơ sở pháp lý của vấn đề hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn nhằm làm rõ các quy định của đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

Chương II: Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn và so sánh luật học nhằm làm rõ thực trạng của việc xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

Chương III: Sử dụng phương pháp phân tích tổng kết từ những tranh cãi xung quanh thực tiễn các quy định pháp luật và các bản án để đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

Quy trình nghiên cứu của đề tài bao gồm các bước chính:

(1) Nghiên cứu các dữ liệu dạng chữ.

(2) Tìm hiểu các vụ án cụ thể.

(3) So sánh với các quy định của quốc gia trên thế giới về cùng một vấn đề hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẤN

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU

1.1.1. Khái niệm về hợp đồng vô hiệu

Con người đã thực hiện các hợp đồng để giao dịch để hoàn thành mục tiêu làm đáp ứng mọi yêu cầu giao dịch của thị trường. Với tốc độ tăng trưởng nhanh của thị trường và nhằm bảo đảm tính pháp lý cho các giao dịch, thoả thuận thì chế định về hợp đồng đã hình thành và song song với các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu.

Giao dịch dân sự vô hiệu có thể thấy rằng hợp đồng là một trong những loại giao dịch dân sự bên cạnh các ‘hành vi pháp lý đơn phương’, nên ta có thể áp dụng điều luật này để diễn giải định nghĩa về hợp đồng vô hiệu. Theo đó, ta có thể hiểu: Hợp đồng vô hiệu là những hợp đồng không tuân thủ các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định nên hợp đồng này không có giá trị pháp lý, các bên giao kết hợp đồng sẽ không phát sinh bất cứ quyền và nghĩa vụ với nhau.

Hợp đồng vô hiệu là một hợp đồng chính thức có hiệu lực không hợp pháp và không thể thi hành kể từ thời điểm nó được tạo ra. Một hợp đồng có thể bị coi là vô hiệu nếu nó không có hiệu lực thi hành như nó đã được viết ban đầu. Hợp đồng vô hiệu có thể xảy ra khi một trong các bên liên quan không có khả năng hiểu đầy đủ các hàm ý của thoả thuận, như khi một cá nhân bị suy giảm tinh thần hoặc một người say xỉn có thể không đủ mạch lạc để nắm bắt đầy đủ các thông số của thoả thuận, khiến nó vô hiệu. Các thoả thuận do trẻ vị thành niên ký kết hoặc cho các hoạt động bất hợp pháp cũng có thể bị vô hiệu. Hợp đồng vô hiệu có thể xảy ra khi một trong các bên liên quan không có khả năng hiểu đầy đủ các nội dung của hợp đồng .

Nếu một hợp đồng chính vô hiệu thì hợp đồng phụ cũng vô hiệu theo, trừ trường hợp các bên có thoả thuận hợp đồng phụ được thay thế hợp đồng chính (hợp đồng phụ phải là hợp đồng không bị vô hiệu).

Nhưng ngược lại nếu hợp đồng phụ bị vô hiệu thì hợp đồng chính không bị vô hiệu theo, trừ trường hợp các bên thoả thuận hợp đồng phụ là một phần không thể tách rời của hợp đồng chính thì hợp đồng chính bị vô hiệu theo hợp đồng phụ.

Theo phương diện chủ quan: hợp đồng dân sự là một giao dịch dân sự mà trong đó các bên tự trao đổi ý chí với nhau nhằm đi đến sự thỏa thuận để cùng nhau làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự nhất định. Theo phương diện này, hợp đồng dân sự vừa được xem xét ở dạng cụ thể vừa được xem xét ở dạng khái quát. Nếu định nghĩa dưới dạng cụ thể thì “Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi và chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự”⁴ Trong ký kết và thực thi hợp đồng đôi khi sẽ xảy ra những tình huống hợp đồng vô hiệu. Vì từ nguyên nhân chủ quan hay không mà hợp đồng đã ký của các bên sẽ bị vô hiệu. Hiện nay, luật pháp đặt thêm khá đầy đủ những tình huống làm cho một hợp đồng bị xem là vô hiệu. Việc quy định như thế đã bảo vệ lợi ích của các bên trong hợp đồng và ngăn ngừa được thiệt hại có thể đến. Hợp đồng vô hiệu là một sự kiện pháp lý có giá trị rất lớn. Nếu hợp đồng bị tuyên bố là vô hiệu thì hệ quả pháp lý của nó tác động rất nhiều đối với những bên trong hợp đồng.

Theo phương diện pháp luật: Đối với quy định về hợp đồng vô hiệu, Bộ luật dân sự và những luật khác có liên quan không có giải thích cụ thể về hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, tại điều 122 Bộ Luật Dân sự năm 2015 có quy định “Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác”. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định cụ thể tại điều 117 Bộ Luật Dân sự năm 2015: “Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định”.

Từ quy định tại điều 117 Bộ Luật Dân sự năm 2015 có thể xác định giao dịch dân sự vô hiệu khi không có một trong các điều kiện quy định tại Điều 117

⁴ Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015

Bộ luật Dân sự 2015, với các điều kiện cụ thể.

Như vậy, một giao dịch bị coi là vô hiệu nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên. Về nguyên tắc nếu một giao dịch dân sự không đáp ứng được một trong bốn điều kiện nêu trên thì bị coi là vô hiệu theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.1.2. Nguyên nhân và đặc điểm của hợp đồng vô hiệu

Nguyên nhân	Đặc điểm
Tính không chắc chắn	Nếu hợp đồng sử dụng ngôn ngữ tạo ra sự không chắc chắn xung quanh nghĩa vụ hợp đồng, hợp đồng sẽ vô hiệu. Ví dụ, một thỏa thuận đồng ý trong hợp đồng có thể tạo ra sự không chắc chắn vì không có dấu hiệu rõ ràng về những gì sẽ được đồng ý trong hợp đồng.
Hợp đồng chưa hoàn thành	Hợp đồng không đầy đủ nếu nó thiếu một điều khoản thiết yếu. Một điều khoản thiết yếu có nghĩa là hợp đồng không thể được thực hiện nếu không có điều khoản. Ví dụ về các điều khoản thiết yếu bao gồm giá thỏa thuận hoặc ngày bắt đầu cho thuê.
Lỗi phổ biến	Một sai lầm phổ biến là khi cả hai bên đều nhầm lẫn về đối tượng của hợp đồng. Ví dụ, nếu một bên đồng ý mua một bức tranh của bên kia, nhưng bức tranh đã bị lừa thiêu rụi, thì đó sẽ là một sai lầm phổ biến dẫn đến vô hiệu hợp đồng.
Thiếu năng lực	Tất cả các bên được coi là có năng lực tinh thần để hiểu bản chất và tác dụng của hợp đồng. Nếu họ thể hiện sự thiếu năng lực (chẳng hạn như do rối loạn tâm thần hoặc dưới 18 tuổi ở Victoria), hợp đồng có thể bị vô hiệu.

<p>Bất hợp pháp</p>	<p>Một hợp đồng có thể bị vô hiệu vì nó liên quan đến hoạt động bất hợp pháp. Đây có thể là những hợp đồng bị pháp luật cấm trực tiếp, chẳng hạn như hợp đồng cartel. Mặt khác, chúng cũng có thể là những yếu tố cụ thể của hợp đồng mà luật pháp không cho phép, chẳng hạn như các điều khoản hợp đồng không công bằng trong các hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Người tiêu dùng Úc.</p>
<p>Chính sách cộng đồng</p>	<p>Cuối cùng, một hợp đồng có thể bị vô hiệu nếu chủ đề hoặc hiệu suất của nó đi ngược lại chính sách công. Ví dụ: bạn không thể tạo hợp đồng liên quan đến chế độ nô lệ.⁵</p>

Ngoài các đặc điểm trên còn một số đặc điểm khác của hợp đồng vô hiệu bao gồm:

Nó không có giá trị pháp lý.

Nó không áp đặt nghĩa vụ đối với các bên.

Nó thất bại trong việc tạo ra các quyền hợp pháp.

Không bên nào được nhận tiền bồi thường.

1.1.3 Phân loại các trường hợp về hợp đồng vô hiệu

Hợp đồng dân sự là bản giao kèo để ghi nhận những quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên việc phân loại hợp đồng giúp cho việc tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng pháp luật trở nên dễ dàng, chặt chẽ và chính xác hơn. Theo đó, có khá nhiều cách tiếp cận khác nhau về hợp đồng vô hiệu. Cụ thể, các cách phân loại sau đây thường được sử dụng:

Căn cứ vào thủ tục tố tụng có hợp đồng vô hiệu tuyệt đối và hợp đồng vô hiệu tương đối

i) Hợp đồng vô hiệu tuyệt đối:

Đây là những hợp đồng bị xem là đương nhiên vô hiệu do việc xác lập hợp đồng trái pháp luật, xâm phạm tới lợi ích của nhà nước hoặc lợi ích công cộng. Một số trường hợp bị coi là vô hiệu tuyệt đối:

⁵ Mgcini (MG) Moyo (2022), 6 Key Factors That Lead to a Void Contract, LegalVision, <https://legalvision.com.au/factors-contract-void/>, [Ngày truy cập 30/6/2023]

Hợp đồng vô hiệu do giả tạo⁶.

Hợp đồng có nội dung, mục đích vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội⁷.

Hợp đồng không đúng hình thức do pháp luật quy định và đã được Tòa án cho các bên thời hạn để điều chỉnh, sửa chữa đúng quy định về hình thức nhưng khi hết thời hạn đó mà các bên vẫn chưa thực hiện hoặc trường hợp pháp luật có quy định về hợp đồng vi phạm hình thức nhưng các bên chưa thực hiện hợp đồng và các bên có tranh chấp thì hợp đồng bị xem là vô hiệu. Hợp đồng vô hiệu tuyệt đối thì đương nhiên hoàn toàn không có hiệu lực pháp luật. Thời hiệu kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vô hiệu tuyệt đối là không hạn chế⁸

ii) Hợp đồng vô hiệu tương đối:

Đây là những hợp đồng đã được các bên xác lập nhưng có thể bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu một phần theo yêu cầu của người có quyền và lợi ích liên quan.

Sự vô hiệu tương đối thể hiện ở chỗ: Một (hoặc một số) nội dung của hợp đồng giao kết không đúng quy định của pháp luật hoặc xảy ra ngoài sự tính toán của các bên mà dẫn đến việc thực hiện hợp đồng không thể thực hiện được hoặc nếu thực hiện lại dẫn đến các hậu quả bất lợi... Các trường hợp dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu tương đối:

Giao dịch dân sự vô hiệu do người xác lập không có năng lực hành vi tương ứng với đòi hỏi của pháp luật đối với loại giao dịch đó⁹.

Giao dịch dân sự vô hiệu do bị đe dọa, lừa dối, cưỡng ép¹⁰.

Giao dịch dân sự vô hiệu do nhầm lẫn¹¹.

Giao dịch dân sự vô hiệu do một người xác lập trong tình trạng người đó không nhận thức, điều khiển được hành vi của mình¹².

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu tương đối là 02 năm tính từ ngày giao dịch dân sự đó được xác lập (khoản 1 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015).

⁶ Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015

⁷ Điều 123, Bộ luật Dân sự 2015

⁸ Khoản 3, Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015

⁹ Điều 125, Bộ luật Dân sự 2015

¹⁰ Điều 127, Bộ luật Dân sự 2015

¹¹ Điều 126, Bộ luật Dân sự 2015

¹² Điều 128, Bộ luật Dân sự 2015

Trong đó, hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn là điều kiện để hợp đồng vô hiệu là một trong nội dung phức tạp trong pháp luật hợp đồng, bởi lẽ nhầm lẫn cũng có thể không là điều kiện để tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Pháp luật của tất cả các quốc gia đều quy định rằng, hợp đồng được ký kết do bị nhầm lẫn có thể bị tòa án tuyên bố vô hiệu theo yêu cầu của bên bị nhầm lẫn hoặc theo yêu cầu của các bên trong trường hợp các bên đều nhầm lẫn. Tuy nhiên, pháp luật các nước khác nhau, lại có các quy định, tiếp cận, và đánh giá không giống nhau. Trong quá trình vận dụng chế định này chúng ta thấy thể hiện một số bất cập về nguyên nhân gây nhầm lẫn, đối tượng của nhầm lẫn, xử lý vấn đề nhầm lẫn cũng như về khái niệm nhầm lẫn nội dung này sẽ được trình bày ở các phần tiếp theo.

1.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO NHẦM LẦN

1.2.1. Khái niệm hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn

Hiện nay các nhà làm luật vẫn không đưa ra một khái niệm cụ thể nên nhầm lẫn ở đây có thể hiểu là việc các bên trong giao dịch hình dung sai về nội dung của giao dịch mà tham gia vào giao dịch gây thiệt hại cho mình hoặc bên kia, sự nhầm lẫn xuất phát từ nhận thức các bên hoặc phán đoán sai lầm về đối tượng của sự việc, sự nhầm lẫn phải được thể hiện rõ ràng mà căn cứ vào nội dung của giao dịch phải xác định được. Nếu bị nhầm lẫn chứng minh được sự nhầm lẫn của mình thì giao dịch có thể bị tuyên bố vô hiệu.

Thật khó có thể đưa ra một định nghĩa pháp lý về nhầm lẫn. Theo một số luật gia, nhầm lẫn là “niềm tin không phù hợp với thực tế”, một số luật gia khác lại cho rằng nhầm lẫn là “sự khác biệt giữa ý chí nội tâm và ý chí biểu hiện bên ngoài”. Tựu chung lại, sự nhầm lẫn làm cho sự thể hiện ra bên ngoài của ý chí một trong các bên không phù hợp với ý chí đích thực bên trong của họ khiến cho sự thỏa thuận đạt được đã bị khiếm khuyết, và vì vậy, về nguyên tắc, mọi sự nhầm lẫn đều làm cho hợp đồng vô hiệu vì đã không có sự thống nhất ý chí giữa các bên. Tuy nhiên, nhằm mục đích bảo đảm sự ổn định của giao lưu dân sự, nhà làm luật chỉ chấp nhận nhầm lẫn là nguyên nhân khiến hợp đồng vô hiệu trong một số trường hợp nhất định. Luật pháp một số nước thường chia sự nhầm lẫn – nguyên nhân khiến hợp đồng vô hiệu ra ba loại:

Một là, Nhầm lẫn về bản chất hợp đồng (chẳng hạn, A nghĩ là B cho mình mượn tài sản, B lại nghĩ mình gửi giữ tài sản cho A);

Hai là, Nhầm lẫn về đối tượng của nghĩa vụ của hợp đồng (chẳng hạn, A nghĩ bán cho B lô đất 1, trong khi B lại nghĩ A bán cho mình lô đất 2; hoặc A và B ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa, A tưởng phải giao hàng hóa tại địa điểm X, trong khi B nghĩ A phải giao hàng tại địa điểm Y...).

Ba là, Nhầm lẫn về các yếu tố chủ yếu có ý nghĩa quyết định tới sự thỏa thuận của các bên (thực chất, ở đây muốn nói tới nhầm lẫn về một động cơ nào đó khiến một người muốn ký kết hợp đồng). Về nguyên tắc, nhầm lẫn về một yếu tố chủ yếu có ý nghĩa quyết định tới sự thỏa thuận giữa các bên chủ thể là nguyên nhân khiến hợp đồng vô hiệu khi yếu tố này đã được bên kia chú ý tới, trừ phi, căn cứ vào bản chất hợp đồng và hoàn cảnh cụ thể, đó là một yếu tố hiển nhiên.

1.2.2 Đặc điểm hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn

Nhầm lẫn đã tồn tại trong hai Bộ luật Dân sự nhưng lại không đưa ra định nghĩa chính xác thế nào là nhầm lẫn nên rất khó khăn khi xác định sự tồn tại của nhầm lẫn. Nhầm lẫn trong ngôn ngữ pháp lý là sự nhận định không chính xác về cái có thật, tương cái sai sự thật là thật và ngược lại. Nhầm lẫn là sự khác biệt giữa nhận thức của một bên về vấn đề và thực tế của vấn đề. Ví dụ A ký hợp đồng mua bán xe ô tô với giá 500 triệu với B nhưng không biết rằng ô tô đó là tang vật trong một vụ án hình sự cướp tài sản (ở đây anh B cũng được mua lại từ anh D và không biết tình trạng thật của chiếc xe), Điều này có nghĩa là đối với bên mua có sự khác nhau về nhận thức của họ về chiếc xe và thực tế về chiếc xe này. Bất kỳ sự khác nhau nào giữa nhận thức và thực tế đều có thể được coi là nhầm lẫn. Và nhầm lẫn phải tồn tại ở thời điểm xác lập giao dịch. Điều đó có nghĩa là nhận thức của bên nhầm lẫn về hợp đồng và sự thật về hợp đồng này phải được xác định tại thời điểm xác lập hợp đồng. Nhầm lẫn khác với giả tạo ở chỗ trong hợp đồng có sự nhầm lẫn thì bản thân người xác lập hợp đồng không biết được điều đó còn giả tạo trong hợp đồng thì người thể hiện ý chí muốn xác lập hợp đồng biết việc đó không đúng với sự thể hiện ý chí đích thực của họ với sự thể hiện thực tế trong hợp đồng. Nhưng để đánh giá nhận thức của bên bị nhầm lẫn thực chất là rất khó vì nó liên quan đến vấn đề nội tâm. Nếu các bên không ghi rõ trong hợp đồng về nhận thức của mình

thì rất khó để xác định.

1.2.3. Cách xác định hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn

Hợp đồng là sự thỏa thuận, sự thỏa thuận này dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng, có nghĩa là ý chí của các bên được thể hiện một cách tự do, không chịu bất kỳ một sự tác động nào. Tuy nhiên trong thực tiễn có nhiều trường hợp các bên hoặc một trong các bên khi đàm phán, ký kết hợp đồng ý chí của họ được hình thành một cách không tự nguyện, tức là họ không được tự do trong việc thể hiện ý chí của mình hoặc xuất phát từ những ý niệm không xác thực. Pháp luật gọi các trường hợp này là hợp đồng được ký kết trái nguyên tắc tự do tự nguyện thỏa thuận. Những trường hợp này là: nhầm lẫn, lừa dối và đe dọa¹³.

Việc coi nhầm lẫn là căn cứ tuyên bố hợp đồng vô hiệu gặp phải hai vấn đề phức tạp trong khoa học pháp lý và trong thực tiễn. Một mặt, trên xuất phát từ thuyết ý chí, nhầm lẫn được coi là việc hợp đồng được ký kết trái với ý chí đích thực của chủ thể và vì vậy nên cần phải coi hợp đồng đó là vô hiệu. Mặt khác nếu trong mọi trường hợp khi hợp đồng được ký kết trái với ý chí đích thực của chủ thể sẽ bị vô hiệu, điều này sẽ tạo ra sự không ổn định, mất trật tự trong lưu thông dân sự và trong hoạt động kinh doanh thương mại- điều mà không ai muốn. Chính vì vậy nên pháp luật cũng như Toà án cần phải thận trọng trong việc xem xét hợp đồng vô hiệu. Để tìm giải pháp hài hòa các mối quan hệ trên cần phải phân biệt hai loại nhầm lẫn: **nhầm lẫn không có ý nghĩa pháp lý, tức là không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng và nhầm lẫn có ý nghĩa pháp lý-là căn cứ để yêu cầu toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu.** Như vậy không phải mọi nhầm lẫn đều có ý nghĩa pháp lý đối với bên nhầm lẫn. Điều này là nhất quán trong mọi hệ thống pháp luật¹⁴. Tuy nhiên trong thực tiễn việc phân biệt hai loại nhầm lẫn nói trên là việc không đơn giản, trong khi đó hậu quả pháp lý của chúng lại khác nhau. Để trả lời câu hỏi nói trên cần phải xem xét một số điều kiện của sự nhầm lẫn.

Một là, phạm vi của nhầm lẫn: Điều 126 Bộ luật Dân sự năm 2015 về “giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn” quy định: “*Trường hợp giao dịch dân sự được*

¹³ Dương Anh Sơn (2011), Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG TP.HCM, Quy định của pháp luật về hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn và vấn đề nâng cao vai trò giải thích pháp luật của thẩm phán, Tạp chí khoa học Pháp lý Việt Nam, <https://tapchikhplvn.hcmulaw.edu.vn/module/xemchitietbaibao?oid=b44fb222-6cbd-454f-b3bb-9e15e9d09640>, [Ngày truy cập 26/5/2023]

¹⁴ Konrad Zweigert, Hein Kotz, So sánh luật trong lĩnh vực tư pháp, Tập 2, NXB. Quan hệ quốc tế, M,1998, tr.s 118- 119

xác lập có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Trong trường hợp một bên do lỗi cố ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch thì được giải quyết theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật này”. Như vậy theo pháp luật của Việt Nam hiện hành, nhầm lẫn chỉ có thể liên quan đến nội dung của hợp đồng mà không quy định nhầm lẫn về chủ thể. Mặc dù pháp luật không quy định cụ thể nội dung, tuy nhiên có thể hiểu rằng, trong nội dung của hợp đồng có rất nhiều vấn đề, ví dụ, đối tượng của hợp đồng, tính chất của hàng hóa, công việc...

Cách tiếp cận trên trong pháp luật của Việt Nam, có thể nói là tương tự với pháp luật của nhiều nước. Theo Điều 178 Bộ luật Dân sự Liên Bang Nga, hợp đồng được ký kết do bị nhầm lẫn nghiêm trọng có thể bị tòa án tuyên bố vô hiệu khi có sự yêu cầu của bên bị nhầm lẫn. Nhầm lẫn nghiêm trọng là nhầm lẫn liên quan đến: bản chất của hợp đồng hoặc tương tự hay liên quan đến những đặc tính của đối tượng làm giảm khả năng đáng kể việc sử dụng chúng theo mục đích. Nhầm lẫn liên quan đến động cơ của giao dịch không được coi là có ý nghĩa pháp lý quan trọng. Khác với pháp luật của Việt Nam và Liên Bang Nga, pháp luật của nhiều nước có quy định nhầm lẫn về chủ thể, tuy nhiên chỉ trong một số trường hợp hạn chế. Điều 1110 Bộ luật Dân sự Pháp quy định “*Sự nhầm lẫn chỉ là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu khi đó là sự nhầm lẫn về bản chất của vật hoặc công việc là đối tượng của hợp đồng. Sự nhầm lẫn về chủ thể giao kết không thể là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu, trừ trường hợp việc xem xét nhân thân người đó là căn cứ chính dẫn đến việc giao kết hợp đồng*”. Pháp luật của Anh xem xét nhầm lẫn về chủ thể rất hạn chế và chỉ trong một số trường hợp đặc biệt. Theo pháp luật của Anh, nhầm lẫn về chủ thể chỉ có thể xảy ra trong trường hợp, ví dụ, A ký hợp đồng với B vì tưởng B là C¹⁵.

Hai là, tính chất của nhầm lẫn phải nghiêm trọng. Điều 126 Bộ luật Dân sự 2015 chỉ quy định nhầm lẫn sự nhầm lẫn liên quan đến nội dung của giao dịch mà

¹⁵ Dương Anh Sơn (2011), Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG TP.HCM, Quy định của pháp luật về hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn và vấn đề nâng cao vai trò giải thích pháp luật của thẩm phán, Tạp chí khoa học Pháp lý Việt Nam, <https://tapchikhplvn.hcmulaw.edu.vn/module/xemchitietbaibao?oid=b44fb222-6cbd-454f-b3bb-9e15e9d09640>, [Ngày truy cập 26/5/2023]

không quy định mức độ, tính chất của nhầm lẫn. Thật ra pháp luật của nhiều nước không quy định những tiêu chí để xác định một sự nhầm lẫn nào đó là nghiêm trọng hay không nghiêm trọng, mà việc xác định này tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể cũng như khả năng nhận biết của chủ thể về đối tượng nhầm lẫn. Tuy nhiên khác với pháp luật Việt Nam, sự thừa nhận án lệ của pháp luật nhiều nước có thể giải quyết được vấn đề đặt ra. Nhầm lẫn có ý nghĩa pháp lý chỉ trong trường hợp, nếu sự nhầm lẫn đó có liên quan đến đặc tính, vì nó mà các bên đạt được sự thỏa thuận một cách trực tiếp.

Vấn đề xác định lỗi của một bên. Một vấn đề nữa cần phải được xem xét một cách thận trọng dưới góc độ pháp lý khi xác định nhầm lẫn là có cần thiết phải xác định lỗi của một bên là nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn của bên kia hay không. Vấn đề này được xem xét không giống nhau trong pháp luật của các nước khác nhau. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, nhầm lẫn phải do hành vi lỗi vô ý của một bên gây ra. Điều đó có thể hiểu rằng, nếu không có lỗi của một bên thì không có sự nhầm lẫn hay nhầm lẫn (nếu có) sẽ không có ý nghĩa pháp lý và không thể là căn cứ để yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Cũng có thể hiểu rằng, các nhà làm luật Việt Nam không loại trừ nhầm lẫn không phải do lỗi bên kia, tuy nhiên họ chỉ cho rằng, nhầm lẫn do lỗi của bên kia mới có thể có ý nghĩa pháp lý và có thể được coi là điều kiện để tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Cũng có thể hiểu rằng, các nhà làm luật Việt Nam không loại trừ nhầm lẫn không phải do lỗi bên kia, tuy nhiên họ chỉ cho rằng, nhầm lẫn do lỗi của bên kia mới có thể có ý nghĩa pháp lý và có thể được coi là điều kiện để tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Khoản 2 Điều 126 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, trong trường hợp một bên do lỗi cố ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch thì được giải quyết theo quy định tại Điều 132 của Bộ luật này. Có lẽ vì quy định này nằm trong Điều 126 Bộ luật Dân sự dưới tên gọi “Giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn” có thể hiểu Bộ luật Dân sự năm 2015 dự liệu hai trường hợp nhầm lẫn của một bên: nhầm lẫn do lỗi vô ý hay cố ý của bên kia và thực tế cho thấy hai loại nhầm lẫn này hoàn toàn có thể tồn tại. Ở đây, Bộ luật Dân sự năm 2015 không coi nhầm lẫn là do lỗi cố ý của một bên mà bằng khoản 2 chỉ nhấn mạnh rằng, nếu một bên có lỗi cố ý làm cho bên kia hiểu sai về nội dung của giao dịch thì bị coi là lừa dối. Thật vậy khi một bên có hành vi cố ý làm cho bên kia hiểu sai về nội dung cả hợp đồng tức là